

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 46 /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ
Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11
tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô
tô;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5064/TTr-STC
ngày 10 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

2. Những nội dung liên quan đến khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quy định chế độ khoản kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Đối tượng thực hiện khoản

a) Các chức danh được sử dụng xe ô tô đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, tự nguyện nhận khoản kinh phí sử dụng xe ô tô.

b) Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô (có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 đến dưới 1,25), Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ, được bố trí xe ô tô phục vụ công tác nhưng lựa chọn áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô.

c) Các chức danh không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô nhưng cần bố trí xe ô tô do yêu cầu công tác thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng đơn vị theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ, lựa chọn áp dụng hình thức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô.

d) Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ, lựa chọn áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô.

2. Hình thức và mức khoản

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, Điều 6 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định

số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô:

a) Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại:

- Theo hình thức khoán theo km thực tế:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số km từ nơi ở} \\ \text{đến cơ quan và} \\ \text{ngược lại (km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày làm} \\ \text{việc thực tế} \\ \text{trong tháng} \\ \text{(ngày)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array}$$

Trong đó:

+ Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán;

+ Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh).

- Theo hình thức khoán gọn:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán} \\ \text{(đồng/ tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số km bình quân} \\ \text{từ nơi ở đến cơ} \\ \text{quan và ngược} \\ \text{lại (km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày đưa đón} \\ \text{bình quân hàng} \\ \text{tháng (ngày)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array}$$

Trong đó:

+ Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán; trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán.

+ Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày theo quy định của Bộ luật Lao động.

b) Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác

- Hình thức khoán theo km thực tế

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số km thực tế} \\ \text{của từng lần đi công tác} \\ \text{(km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array}$$



Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

- Hình thức khoán gọn

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức khoán} & = & \text{Số km đi công tác bình} \\ \text{(đồng/tháng)} & & \text{quân hàng tháng (km)} \quad \times \quad \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array} \end{array}$$

Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng:

+ Trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng;

+ Trường hợp áp dụng đối với từng chức danh: Được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng.

3. Đơn giá khoán

a) Đơn giá khoán kinh phí sử dụng ô tô áp dụng cho các chức danh 13.000 đồng/km.

b) Khi đơn giá bình quân/km của 03 hãng taxi phổ biến trên thị trường tại địa phương tăng, giảm từ 20% trở lên thì Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

4. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức khoán theo km thực tế trong trường hợp đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

5. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô, trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải báo cáo Sở Tài chính thực hiện sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Quyết định việc áp dụng khoán; hình thức và công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô của đơn vị mình.

2. Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của chức danh nhận khoán theo km thực tế quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3.

3. Xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa đón bình quân hàng tháng của chức danh có tiêu chuẩn đưa đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại nhận khoán theo khoán gọn quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3.

4. Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán theo km thực tế quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3.

5. Xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của từng chức danh áp dụng khoán theo khoán gọn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3.

6. Quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác phải được quy định cụ thể tại quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, khi đơn giá bình quân/km của 03 hãng taxi phổ biến trên thị trường tại địa phương tăng, giảm từ 20% trở lên, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tổ chức thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Quyết định này.

3. Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS. (55b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

